

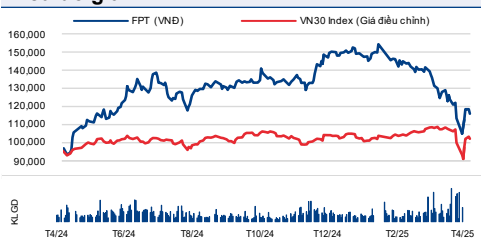
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ157,100
Tiềm năng tăng/giảm: 35.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (15/4/2025)	116,000
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	93,483-154,300
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	117,667
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	170,644
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,608
Sig CP lưu hành (tr.đv)	1,471
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	721
Sig CP NN được mua (tr.đv)	90.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	42.9%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	62,849	73,578	88,250
EBITDA đc (tỷ đồng)	13,044	15,053	18,088
LNTT (tỷ đồng)	11,070	13,140	15,732
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,849	9,335	11,262
FCF (tỷ đồng)	8,428	6,605	8,302
EPS ĐC (đồng)	4,917	5,844	7,051
DPS (đồng)	2,000	2,500	2,500
BVPS (đồng)	20,253	23,650	28,200
T.trưởng EBITDA (%)	21.5	15.4	20.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.47	18.9	20.6
Tăng trưởng DPS (%)	0	25.0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.8	20.5	20.5
Tỷ suất LNTT (%)	17.6	17.9	17.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.5	12.7	12.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	40.7	42.8	35.5
Nợ thuần/VCSH (%)	20.8	16.8	10.5
ROAE (%)	28.7	28.9	29.6
ROACE (%)	31.0	29.4	30.1
EV/doanh thu (lần)	2.80	2.39	1.97
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.5	11.7	9.63
P/E ĐC (lần)	23.6	19.8	16.5
P/B (lần)	5.73	4.90	4.11
Lợi suất cổ tức (%)	1.72	2.16	2.16

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp &
nga.tttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Vẫn còn cơ hội bất chấp một năm khó khăn

- Cổ đông đã thông qua tất cả các tờ trình, với mục tiêu doanh thu và LNTT năm 2025 lần lượt ở mức 75.400 tỷ đồng (tăng trưởng 20%) và 13.395 tỷ đồng (tăng trưởng 21%). Bất chấp các rủi ro đang xảy ra, Công ty vẫn giữ nguyên mục tiêu kinh doanh và ĐHCĐ đã cho phép HĐQT điều chỉnh KHKD nếu cần thiết.
- Trong môi trường nhạy cảm, FPT chủ động thắt chặt mối quan hệ đối tác với các khách hàng lớn. Nhật Bản nổi lên như là thị trường có khả năng phục hồi tốt nhất trên toàn cầu, trong khi Mỹ được dự báo sẽ là thị trường bị ảnh hưởng đầu tiên.
- FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 18,8 lần, thấp hơn so với bình quân 3 năm ở mức 19,1 lần. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào đối với FPT với giá mục tiêu là 157.100đ (tiềm năng tăng giá 35%).

Sự kiện: Tổ chức thành công ĐHCĐ ngày 15/4/2025

Cổ đông đã thông qua tất cả các tờ trình, bao gồm KHKD năm 2025, kế hoạch cổ tức năm 2024/2025, kế hoạch đầu tư và chia sẻ quan điểm về điều kiện thị trường. Những thông tin chính như sau:

Đặt mục tiêu doanh thu và LNTT năm 2025 tăng trưởng 20% và 21%

FPT giữ nguyên KHKD năm 2025, với mục tiêu doanh thu và LNTT lần lượt ở mức 75.400 tỷ đồng (tăng trưởng 20%) và 13.395 tỷ đồng (tăng trưởng 21%). Bất chấp rủi ro đang diễn ra liên quan đến chính sách thuế 'đối ứng' và khả năng nhu cầu của khách hàng giảm, FPT vẫn giữ nguyên mục tiêu kinh doanh và ĐHCĐ đã cho phép HĐQT điều chỉnh KHKD nếu cần thiết.

Các chiến lược tăng trưởng chính của FPT liên quan đến việc cắt giảm 30% chi phí hoạt động không thiết yếu và xây dựng 3 kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh với các chiến lược hành động cụ thể. Mặc dù các bước đi này có thể làm một số nhà đầu tư cảm thấy FPT đang gặp khó khăn trên thị trường, nhưng chúng tôi cho rằng kế hoạch này chứng tỏ Công ty có nhận thức về rủi ro và sẵn sàng ứng phó với các kịch bản của các thị trường khác nhau.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 16/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Kế hoạch kinh doanh năm 2025, FPT

FPT đặt kế hoạch tăng trưởng LNTT là 21%

Tỷ đồng	Kế hoạch 2025	Tăng trưởng	2025F của HSC	Chênh lệch	Dự báo tăng trưởng của HSC
Doanh thu thuần	75,400	20.0%	73,578	-2.4%	17.1%
Công nghệ	49,260	26.0%	48,245	-2.1%	23.4%
Viễn thông	19,900	13.0%	19,602	-1.5%	11.3%
Giáo dục & mảng khác	6,240	1.8%	5,731	-8.2%	-6.5%
LNTT	13,395	21.0%	13,140	-1.9%	18.7%
Công nghệ	6,655	27.3%	6,590	-1.0%	26.0%
Viễn thông	4,200	17.1%	4,246	1.1%	18.4%
Giáo dục & mảng khác	2,540	12.8%	2,304	-9.3%	2.3%

Nguồn: FPT, HSC

Đối với mức đóng góp của các thị trường, Nhật Bản đóng góp 40% doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài (và đóng góp 20% tổng doanh thu của FPT), cho thấy đây là thị trường có khả năng phục hồi tốt nhất trong các thị trường nước ngoài của FPT. Đồng yên tăng giá cũng hỗ trợ phần nào cho việc tăng tỷ suất lợi nhuận tại thị trường Nhật Bản. Trái lại, thị trường Mỹ (đóng góp 25% doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài/12% tổng doanh thu của FPT) được dự báo sẽ bị ảnh hưởng đầu tiên. Mặc dù châu Á-Thái Bình Dương (khu vực chú trọng xuất khẩu) phải chịu tác động đáng kể từ chính sách thuế quan, nhưng mức tăng trưởng của FPT tại đây vẫn có khả năng phục hồi tốt nhờ Công ty chủ động đa dạng hóa thị trường như Trung Đông.

Lợi thế cạnh tranh cốt lõi của FPT nằm ở tốc độ và tính linh hoạt, cùng với chi phí lao động khá cạnh tranh (bình quân 10-15%). Công ty tập trung mạnh vào việc nâng cao trải nghiệm và đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Hiện FPT có vẻ đang có xu hướng thành lập liên doanh với các tập đoàn/khách hàng lớn trên toàn cầu nhằm tận dụng đội ngũ kỹ sư trẻ và tận tụy của Công ty, những tài năng được biết đến với cam kết hoàn thành công việc đúng thời hạn.

Chủ tịch Trương Gia Bình cho biết sự kiện ra mắt Deepseek vào đầu năm nay sẽ thúc đẩy việc ứng dụng AI trên toàn cầu, qua đó thúc đẩy nhu cầu về đối với Nhà máy AI. Do đó, trong trường hợp có sự biến động về nhu cầu trong ngắn hạn do thị trường biến động, dòng lợi nhuận đầu tiên từ Nhà máy AI dự kiến sẽ được ghi nhận trong năm 2025.

HSC dự báo KQKD Q1/2025 vẫn vững chắc, với lợi nhuận thuần tăng 20% đạt 2.158 tỷ đồng mặc dù doanh thu thuần tăng chậm lại ở mức 15% đạt 16.207 tỷ đồng. Nếu đạt được kết quả này, FPT sẽ hoàn thành lần lượt 22%/23% dự báo doanh thu thuần/lợi nhuận thuần năm 2025 của chúng tôi.

Chính sách cổ tức

Cho năm 2024, cổ đông đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền mặt ở mức 2.000đ/cp và cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%. Trong số đó: (1) 1.000đ/cp đã được chi trả trong năm 2024. Do đó, phần còn lại 1.000đ/cp sẽ được chi trả trong Q2/2025. (2) Công ty sẽ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 15%, dự kiến sẽ hoàn thành trong Q3/2025.

Cho năm 2025, cổ đông cũng thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền mặt ở mức 2.000đ/cp và dự kiến sẽ chi trả trong Q4/2025. Theo đó, trong 12 tháng tới, cổ đông của FPT có thể nhận được 3.000đ/cp bao gồm cổ tức đợt 2 của năm 2024 và cổ tức của cả năm 2025, cho thấy lợi suất cổ tức 2,5%.

Kế hoạch phát hành ESOP giai đoạn 2026-2030

ĐHCD đã thông qua kế hoạch ESOP cho nhân sự chủ chốt (ngoại trừ thành viên HĐQT trong giai đoạn 2022-2027). Để triển khai kế hoạch này, Công ty phân bổ 1% cổ phiếu đang lưu hành trong 5 năm tới (0,2% mỗi năm), với thời gian hạn chế giao dịch là 10 năm và mục tiêu tăng trưởng LNTT hằng năm là 20% và mức tăng trưởng tổng lợi nhuận cho cổ đông hằng năm là 10%. Công ty sẽ không phát hành cổ phiếu ESOP cho năm có tăng trưởng LNTT dưới 10% và tăng trưởng tổng lợi nhuận cho cổ đông hằng năm dưới 0%.

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận

HSC giữ nguyên dự báo lợi nhuận giai đoạn 2025-2027, cho thấy lợi nhuận thuần tăng trưởng với tốc độ CAGR 3 năm là 20,2%. Triển vọng lợi nhuận năm 2025 trong ngắn đến trung hạn được hỗ trợ bởi số lượng dự án chưa triển khai đã được ký hợp đồng. Ngoài ra, tỷ trọng thị trường trong nước cao ở mảng Viễn thông và Giáo dục tạo ra vùng đệm an toàn trước các rủi ro toàn cầu.

Tuy nhiên, cuộc chiến thương mại kéo dài có thể tạo ra các tác động gián tiếp, và FPT đang có kế hoạch làm giảm thiểu những tác động này thông qua chương trình tối ưu hóa chi phí, tập trung vào việc nâng cao năng suất làm việc của kỹ sư, nâng cao tự động hóa và chuyển đổi số. Kịch bản xấu nhất của

chúng tôi cho thấy lợi nhuận thấp hơn 6% so với dự báo cho giai đoạn 2025-2027, dựa trên cơ sở nhu cầu tại thị trường Mỹ thấp hơn kỳ vọng.

Với mức định giá ngày càng hấp dẫn, FPT đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2025/2026 ở mức 19,8 lần/16,5 lần (P/E trượt dự phóng 1 năm là 18,8 lần), thấp hơn bình quân 3 năm ở mức 19,1 lần. Mức chiết khấu này, thậm chí còn rõ nét hơn so với các công ty cùng ngành, giao dịch ở mức 15%/20% so với P/E bình quân năm 2025/2026 của các công ty cùng ngành lần lượt ở mức 23,4 lần và 20,6 lần. HSC tin rằng các đợt bán tháo trong thời gian gần đây đã phản ánh quá mức các tác động tiềm năng đến lợi nhuận, tạo ra mức định giá hấp dẫn. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào đối với FPT với giá mục tiêu không đổi là 157.100đ (tiềm năng tăng giá 35%).

Bảng 2: Phân bổ ESOP, FPT

FPT sẽ không phát hành ESOP trong bất kỳ năm nào mà tăng trưởng lợi nhuận trước thuế thấp hơn 10% và tổng lợi suất cổ đông (LSCĐ) dưới 0%

Tăng trưởng LNTT	Phân bổ ESOP	Tăng trưởng tổng LSCĐ	Phân bổ ESOP
Tăng trưởng lợi nhuận $\geq 10\%/năm$	$0,2\% * 70\% * (\text{Tăng trưởng lợi nhuận thực tế} / \text{Tăng trưởng lợi nhuận kế hoạch})$ Tổng ESOP được phân bổ không vượt quá 0,175%	TSR > 0	$0,2\% * 30\% * (\text{Tổng LSCĐ thực tế} / \text{Tổng LSCĐ kế hoạch})$ Tổng ESOP được phân bổ không vượt quá 0,075%
Tăng trưởng lợi nhuận < 10%/năm	0	TSR < 0	0

Ghi chú: Tăng trưởng lợi nhuận kế hoạch là 20%/năm và tăng trưởng tổng lợi suất cổ đông kế hoạch là 10%
Nguồn: FPT

Bảng 3: Ước tính KQKD Q1/2025, FPT

HSC ước tính lợi nhuận thuần và doanh thu Q1 tăng lần lượt 20% và 15% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	Q1/2024	Q4/2024	Q1/2025F	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	2025F	% dự báo của HSC
Doanh thu thuần	14,093	17,608	16,207	15.0%	-8.0%	73,578	22.0%
Lợi nhuận thuần	1,798	2,086	2,158	20.0%	3.4%	9,345	23.1%

Nguồn: HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	52,618	62,849	73,578	88,250	105,071
Lợi nhuận gộp	20,320	23,698	27,804	33,293	39,591
Chi phí BH&QL	(11,868)	(13,190)	(15,944)	(19,043)	(22,641)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	8,452	10,508	11,860	14,251	16,950
Lãi vay thuần	618	124	631	689	905
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	42.3	393	597	730	893
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	91.3	44.6	52.2	62.6	74.5
LN TT	9,203	11,070	13,140	15,732	18,822
Chi phí thuế TNDN	(1,415)	(1,642)	(1,996)	(2,414)	(2,895)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,323)	(1,571)	(1,799)	(2,044)	(2,267)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,465	7,857	9,345	11,274	13,660
Lợi nhuận thuần ĐC	6,449	7,849	9,335	11,262	13,647
EBITDA ĐC	10,738	13,044	15,053	18,088	21,552
EPS (đồng)	4,661	4,917	5,844	7,051	8,543
EPS ĐC (đồng)	4,052	4,917	5,844	7,051	8,543
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,500	2,500	3,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,267	1,471	1,471	1,471	1,471
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,270	1,471	1,471	1,471	1,471
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,270	1,471	1,471	1,471	1,471

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	8,279	9,315	12,738	16,826	21,767
Đầu tư ngắn hạn	16,104	21,785	26,142	31,371	37,645
Phải thu khách hàng	9,674	11,382	13,290	16,447	19,582
Hàng tồn kho	1,593	1,857	2,281	2,736	3,257
Các tài sản ngắn hạn khác	1,055	1,197	1,399	1,678	1,998
Tổng tài sản ngắn hạn	36,706	45,536	55,850	69,058	84,248
TSCĐ hữu hình	13,697	15,334	17,062	18,175	18,637
TSCĐ vô hình	1,257	2,040	2,009	1,928	1,782
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,227	1,037	1,179	1,308	1,443
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,108	2,281	2,395	2,515	2,641
Tài sản dài hạn khác	5,288	5,772	5,499	6,097	6,855
Tổng tài sản dài hạn	23,577	26,464	28,144	30,022	31,359
Tổng cộng tài sản	60,283	72,000	83,993	99,080	115,607
Nợ ngắn hạn	13,838	14,446	16,923	19,415	21,014
Phải trả người bán	2,603	4,424	5,170	6,201	7,383
Nợ ngắn hạn khác	11,176	13,105	15,147	18,167	21,630
Tổng nợ ngắn hạn	29,652	34,836	40,583	47,793	54,801
Nợ dài hạn	208	501	1,000	1,000	1,000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	246	357	428	514	617
Nợ dài hạn khác	175	315	368	442	526
Tổng nợ dài hạn	629	1,173	1,797	1,956	2,143
Tổng nợ phải trả	30,350	36,272	42,380	49,749	56,944
Vốn chủ sở hữu	24,974	29,794	34,790	41,484	49,639
Lợi ích cổ đông thiểu số	4,959	5,933	6,823	7,847	9,024
Tổng vốn chủ sở hữu	29,933	35,728	41,613	49,331	58,663
Tổng nợ phải trả và VCSH	60,283	72,000	83,993	99,080	115,607
BVPS (đ)	19,665	20,253	23,650	28,200	33,743
Nợ thuần*/(tiền mặt)	5,767	5,632	5,185	3,589	248

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	8,452	10,508	11,860	14,251	16,950
Khấu hao	(2,287)	(2,535)	(3,193)	(3,838)	(4,602)
Lãi vay thuần	618	124	631	689	905
Thuế TNDN đã nộp	(1,415)	(1,642)	(1,996)	(2,414)	(2,895)
Thay đổi vốn lưu động	678	303	(1,229)	(1,889)	(1,681)
Khác	(1,102)	(125)	(568)	(819)	(933)
LCT thuần từ HĐKD	9,517	11,704	11,891	13,655	16,949
Đầu tư TS dài hạn	(3,978)	(3,275)	(5,286)	(5,353)	(5,507)
Góp vốn & đầu tư	(35,290)	(43,063)	(4,471)	(5,348)	(6,400)
Thanh lý	30,582	36,346	0	0	0
Khác	2,137	1,530	1,990	2,320	2,712
LCT thuần từ HĐĐT	(6,548)	(8,462)	(7,766)	(8,381)	(9,194)
Cổ tức trả cho CSH	(2,931)	(3,292)	(3,678)	(3,678)	(4,413)
Thu từ phát hành CP	73.1	163	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,719	933	2,976	2,492	1,599
Khác	(30.2)	(2.31)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,168)	(2,198)	(702)	(1,186)	(2,814)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	6,440	8,279	9,315	12,738	16,826
LCT thuần trong kỳ	1,800	1,044	3,423	4,088	4,940
Ảnh hưởng của tỷ giá	38.6	(7.92)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,279	9,315	12,738	16,826	21,767
Dòng tiền tự do	5,539	8,428	6,605	8,302	11,442

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	38.6	37.7	37.8	37.7	37.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.4	20.8	20.5	20.5	20.5
Tỷ suất LNT (%)	12.3	12.5	12.7	12.8	13.0
Thuế TNDN hiện hành (%)	15.4	14.8	15.2	15.3	15.4
Tăng trưởng doanh thu (%)	19.6	19.4	17.1	19.9	19.1
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	24.5	21.5	15.4	20.2	19.1
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	21.7	18.9	20.6	21.2
Tăng trưởng EPS (%)	5.24	5.47	18.9	20.6	21.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.2	21.3	18.9	20.6	21.2
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0	0	20.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	42.9	40.7	42.8	35.5	35.1
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.1	28.7	28.9	29.6	30.0
ROACE (%)	29.3	31.0	29.4	30.1	30.2
Vòng quay tài sản (lần)	0.94	0.95	0.94	0.96	0.98
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.13	1.11	1.00	0.96	1.00
Số ngày tồn kho	18.0	17.3	18.2	18.2	18.2
Số ngày phải thu	109	106	106	109	109
Số ngày phải trả	29.4	41.2	41.2	41.2	41.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	25.5	20.8	16.8	10.5	2.39
Nợ/tài sản (%)	24.3	21.5	22.1	21.4	19.9
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.36	1.19	1.23	1.17	1.06
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.31	1.38	1.44	1.54
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.91	2.80	2.39	1.97	1.63
EV/EBITDA ĐC (lần)	14.3	13.5	11.7	9.63	7.93
P/E (lần)	24.9	23.6	19.8	16.5	13.6
P/E ĐC (lần)	28.6	23.6	19.8	16.5	13.6
P/B (lần)	5.90	5.73	4.90	4.11	3.44
Lợi suất cổ tức (%)	1.72	1.72	2.16	2.16	2.59

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn